ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 515 /QĐ-UBND	*Ninh Thuận, ngày 12 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15/11/2010;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 56/2024/NĐ-CP ngày 18/5/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của tổ chức pháp chế;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ;

Căn cứ Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức

danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành; cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành khoa học và công nghệ, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Theo đề nghị của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận tại Tờ trình số 1112/TTr-ĐPTTH ngày 08/8/2024 và ý kiến trình của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3558/TTr-SNV ngày 11/9/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm và Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận *(trên cơ sở Đề án số 1111/ĐA-ĐPTTH ngày 08/8/2024 của Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận)*, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Danh mục vị trí việc làm của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận, gồm 29 vị trí việc làm, cụ thể: 04 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 11 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành; 10 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và 04 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ *(theo Phụ lục 01 đính kèm)*.

2. Bản Mô tả công việc của từng vị trí việc làm: Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận có trách nhiệm đối chiếu và phê duyệt Bản mô tả công việc của từng vị trí việc làm tại đơn vị - theo nội dung và mẫu hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BNV, Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Thông tư số 08/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, Thông tư số 17/2023/TT-BKHCN ngày 09/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Khung năng lực vị trí việc làm đối với 29 vị trí việc làm của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận, cụ thể:

a) Khung năng lực vị trí việc làm đối với 04 vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý; 11 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành *(theo Phụ lục 02 đính kèm);*

b) Khung năng lực vị trí việc làm đối với 10 vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; 04 vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ *(theo Phụ lục 03 đính kèm)*.

4. Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận *(không bao gồm viên chức đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo, quản lý)*, cụ thể như sau:

- Viên chức Hạng II hoặc tương đương: tỷ lệ 30,36%.

- Viên chức Hạng III hoặc tương đương: tỷ lệ 67,85%;

- Viên chức Hạng IV hoặc tương đương: tỷ lệ 1,79%.

(Chi tiết theo Phụ lục 04 đính kèm)

Điều 2. Áp dụng Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm và Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp

1. Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc, Khung năng lực vị trí việc làm và Cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này là cơ sở khoa học để sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế, tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm, phân công nhiệm vụ và thực hiện các chế độ chính sách đối với đội ngũ viên chức, người làm việc thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận theo biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm và theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình triển khai, thực hiện, trường hợp có phát sinh, vướng mắc hoặc có quy định, hướng dẫn mới của Trung ương về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp hoặc có quy định điều chỉnh về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận kịp thời phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết hoặc quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1659/QĐ-UBND ngày 04/12/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo hạng chức danh nghề nghiệp của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KTTH;
- Lưu: VT, VXNV. PD

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Quốc Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1
Danh mục vị trí việc làm tại Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận
(Kèm theo Quyết định số 515 /QĐ-UBND ngày 12 / 09 /2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp/ ngạch công chức tương ứng
I	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**	
1	Giám đốc	Hạng III trở lên
2	Phó Giám đốc	Hạng III trở lên
3	Trưởng phòng	Hạng II, III
4	Phó trưởng phòng	Hạng II, III
II	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**	
1	Kỹ sư hạng II	Hạng II
2	Kỹ sư hạng III	Hạng III
3	Kỹ thuật viên hạng IV	Hạng IV
4	Đạo diễn truyền hình hạng III	Hạng III
5	Phóng viên hạng II	Hạng II
6	Phóng viên hạng III	Hạng III
7	Biên tập viên hạng II	Hạng II
8	Biên tập viên hạng III	Hạng III
9	Phát thanh viên hạng II	Hạng II
10	Phát thanh viên hạng III	Hạng III
11	Quay phim viên hạng III	Hạng III
III	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung**	
1	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên
2	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính
3	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên
4	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp/ ngạch công chức tương ứng
5	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên
6	Văn thư viên	Văn thư viên/ Chuyên viên
7	Kế toán trưởng	Kế toán viên chính/ Chuyên viên chính
8	Kế toán viên	Kế toán viên/ Chuyên viên
9	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính
10	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên
IV	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**	
1	Nhân viên Lái xe	Nhân viên
2	Nhân viên Kỹ thuật	Nhân viên
3	Nhân viên Phục vụ	Nhân viên
4	Nhân viên Bảo vệ	Nhân viên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

PHỤ LỤC 2

Bảng tổng hợp khung năng lực đối với vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý, vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành tại Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 515 /QĐ-UBND ngày 12.../09/2024 của UBND tỉnh)

TT	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện cviệc	Soạn thảo và bh vb	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng cntt	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xây dựng vb	Hướng dẫn thực hiện vb	Kiểm tra thực hiện vb	Thẩm định văn bản	TCTH/ Khả năng t/h c môn,nv	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
I	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**																	
1	Giám đốc	4	4	4	4	4	2	1	4	4	4	5	3	4	4	3	4	4
2	Phó Giám đốc	4	3	4	4	4	2	1	4	4	4	5	3	3	4	3	4	4
3	Trưởng phòng	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	3	3	3	2	3	3
4	Phó trưởng phòng	3	2	2	3	3	2	1	3	3	3	3	3	2	2	2	3	3
II	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**																	
1	Kỹ sư hạng II	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2
2	Kỹ sư hạng III	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
3	Kỹ thuật viên hạng IV	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
4	Đạo diễn truyền hình hạng III	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2
5	Phóng viên hạng II	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2
6	Phóng viên hạng III	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
7	Biên tập viên hạng II	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2
8	Biên tập viên hạng III	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
9	Phát thanh viên hạng II	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2
10	Phát thanh viên hạng III	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
11	Quay phim viên hạng III	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

PHỤ LỤC 3

Bảng tổng hợp khung năng lực đối với vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ tại Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 515 /QĐ-UBND ngày 12 / 09 /2024 của UBND tỉnh)

STT	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung							Nhóm năng lực chuyên môn					Nhóm năng lực quản lý				
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện cviệc	Soạn thảo bhành vbản	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng CNTT	Sử dụng ngoại ngữ	Tham mưu xd văn bản	Hướng dẫn t.hiện văn bản	Kiểm tra t.hiện văn bản	Thẩm định văn bản	Tổ chức t.hiện văn bản	Tư duy chiến lược	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định	Quản lý nguồn lực	Phát triển nhân viên
I	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung**																	
1	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
2	Chuyên viên chính về tổng hợp	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2
3	Chuyên viên về tổng hợp	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
4	Chuyên viên về pháp chế	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
5	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
6	Văn thư viên	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
7	Kế toán trưởng	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2
8	Kế toán viên	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1
9	Chuyên viên chính về tài chính	3	3	3	3	3	2	1	3	3	3	3	3	3	2	2	2	2
10	Chuyên viên về tài chính	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	1	1	1	1

III	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ										
	Tên vị trí việc làm	Nhóm năng lực chung					Nhóm năng lực chuyên môn			Nhóm năng lực quản lý	
		Đạo đức và bản lĩnh	Tổ chức thực hiện công việc	Giao tiếp ứng xử	Quan hệ phối hợp	Sử dụng ngoại ngữ	Khả năng làm việc độc lập	Khả năng triển khai nhiệm vụ	Khả năng hướng dẫn t/h n vụ	Quản lý sự thay đổi	Ra quyết định
1	Nhân viên Lái xe	1	1	1	1		1	1	1	1	1
2	Nhân viên Kỹ thuật	1	1	1	1		1	1	1	1	1
3	Nhân viên Phục vụ	1	1	1	1		1	1	1	1	1
4	Nhân viên Bảo vệ	1	1	1	1		1	1	1	1	1

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

PHỤ LỤC 4

Số lượng viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận

(Kèm theo Quyết định số 515 /QĐ-UBND ngày 12 / 09 /2024 của UBND tỉnh)

A. Phân bổ biên chế theo từng VTVL *(người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước/người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp/lao động hợp đồng)*:

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp/ngạch công chức	Phân bổ biên chế	Phân bổ người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Phân bổ HĐLĐ
I	**Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**		**18**		
1	Giám đốc	Hạng III trở lên	01		
2	Phó Giám đốc	Hạng III trở lên	03		
3	Trưởng phòng	Hạng II, III	05		
4	Phó trưởng phòng	Hạng II, III	09		
II	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**		**47**		
1	Kỹ sư hạng II	Hạng II	06		
2	Kỹ sư hạng III	Hạng III	13		
3	Kỹ thuật viên hạng IV	Hạng IV	01		
4	Đạo diễn truyền hình hạng III	Hạng III	Kiêm nhiệm		

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp/ngạch công chức	Phân bổ biên chế	Phân bổ người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Phân bổ HĐLĐ
5	Phóng viên hạng II	Hạng II	03		
6	Phóng viên hạng III	Hạng III	09		
7	Biên tập viên hạng II	Hạng II	03		
8	Biên tập viên hạng III	Hạng III	07		
9	Phát thanh viên hạng II	Hạng II	02		
10	Phát thanh viên hạng III	Hạng III	03		01 HĐLĐ
11	Quay phim viên hạng III	Hạng III	Kiêm nhiệm		
III	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung**		**09**		
1	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	01		
2	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	01		
3	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiêm nhiệm		
4	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	Kiêm nhiệm		
5	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	01		
6	Văn thư viên	Văn thư viên/ Chuyên viên	01		
7	Kế toán trưởng	Kế toán viên chính/ Chuyên viên chính	01		
8	Kế toán viên	Kế toán viên/ Chuyên viên	Kiêm nhiệm		
9	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính	01		

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp/ngạch công chức	Phân bổ biên chế	Phân bổ người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Phân bổ HĐLĐ
10	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	03		
IV	**Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**				
1	Lái xe	Nhân viên			02 HĐLĐ
2	Nhân viên kỹ thuật	Nhân viên			01 HĐLĐ
3	Phục vụ	Nhân viên			01 HĐLĐ
4	Bảo vệ	Nhân viên			01 HĐLĐ
	TỔNG CỘNG		**74 biên chế**		**06 HĐLĐ**

B. Tỷ lệ cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của đơn vị theo từng VTVL *(không bao gồm VTVL lãnh đạo, quản lý)*

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc là viên chức theo Mục A (đối với các VTVL bố trí là hợp đồng lao động tại Mục A thì không thống kê tại Mục này)			Tỷ lệ % so với tổng số
			Hưởng lương từ NSNN	Hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp	Cộng	
I	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành**		**47**		**47**	**83,93**
1	Kỹ sư hạng II	Hạng II	06		06	10,71
2	Kỹ sư hạng III	Hạng III	13		13	23,21
3	Kỹ thuật viên hạng IV	Hạng IV	01		01	01,79
4	Đạo diễn truyền hình hạng III	Hạng III	Kiêm nhiệm			

STT	Tên vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp	Số lượng người làm việc là viên chức theo Mục A (đối với các VTVL bố trí là hợp đồng lao động tại Mục A thì không thống kê tại Mục này)			Tỷ lệ % so với tổng số
5	Phóng viên hạng II	Hạng II	03		03	05,36
6	Phóng viên hạng III	Hạng III	09		09	16,07
7	Biên tập viên hạng II	Hạng II	03		03	05,36
8	Biên tập viên hạng III	Hạng III	07		07	12,50
9	Phát thanh viên hạng II	Hạng II	02		02	03,57
10	Phát thanh viên hạng III	Hạng III	03		03	05,36
11	Quay phim viên hạng III	Hạng III	Kiêm nhiệm			
II	**Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung**		**09**		**09**	**16,07**
1	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	01		01	01,79
2	Chuyên viên chính về tổng hợp	Chuyên viên chính	01		01	01,79
3	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	Kiêm nhiệm			
4	Chuyên viên về pháp chế	Chuyên viên	Kiêm nhiệm			
5	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	Chuyên viên	01		01	01,79
6	Văn thư viên	Văn thư viên/ Chuyên viên	01		01	01,79
7	Kế toán trưởng	Kế toán viên chính/ Chuyên viên chính	01		01	01,79
8	Kế toán viên	Kế toán viên/ Chuyên viên	Kiêm nhiệm			
9	Chuyên viên chính về tài chính	Chuyên viên chính	01		01	01,79
10	Chuyên viên về tài chính	Chuyên viên	03		03	05,36
	TỔNG CỘNG		**56**		**56**	**100**

C. Cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp chung của đơn vị *(không bao gồm VTVL lãnh đạo, quản lý)*:

Tên đơn vị	Số lượng viên chức	Số lượng / loại hạng chức danh nghề nghiệp viên chức		Số lượng/Tỷ lệ hạng chức danh nghề nghiệp viên chức
		Số lượng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	Loại hạng chức danh nghề nghiệp viên chức	
Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Ninh Thuận	56	03	Hạng II và tương đương	17 người; 30,36%
			Hạng III và tương đương	38 người; 67,85%
			Hạng IV và tương đương	01 người; 1,79%